

ĐƯỜNG LỐI

CHƯƠNG I:

1. Sự chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam

➤ Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước (1911-1920)

Người nhận ra các hạn chế trong con đường cứu nước của những nhà yêu nước đương thời như: dựa Nhật đánh Pháp (đánh hổ cửa trước, rước beo cửa sau) của Phan Bội Châu; ôn hòa bất bạo động (xin giặc rủ lòng thương) của Phan Châu Trinh; phong trào nông dân của Hoàng Hoa Thám mang nặng cốt cách phong kiến.

Năm 1911, NAQ ra đi tìm đường cứu nước.

Giai đoạn 1911-1916: Nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn: Người nghiên cứu các cuộc cách mạng tư sản điển hình trên thế giới (CM Pháp, CM Mỹ): Đánh giá cao tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái về quyền con người; Đồng thời nhận ra hạn chế “chưa đến nơi” của cuộc cách mạng tư sản vì chưa đem lại độc lập và hạnh phúc cho người dân, quần chúng nhân dân vẫn còn đói khổ => cần tiến hành cách mạng thêm một lần nữa.

Giai đoạn 1917-1920:

Năm 1917, dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của CMT10 Nga, Người từ Anh về Pháp, quan tâm tìm hiểu CMT10 Nga. Người khẳng định “Trong thế giới bây giờ, chỉ có CM Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật”.

Tháng 7-1920, NAQ đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lenin đăng trên báo Nhân đạo, Người khâm phục Lenin, tin theo và quyết định lựa chọn con đường CMVS là con đường giải phóng dân tộc.

➤ Sự chuẩn bị về chính trị, tư tưởng:

Trong suốt những năm 20 của TK XX, Người đã vận dụng và phát triển sáng tạo CN MLN, xây dựng lý luận CM GPDT.

Những quan điểm về CM GPDT của Nguyễn Ái Quốc được thể hiện qua các sách, báo, tài liệu gửi về VN như: Báo Người cùng khổ, Nhân đạo, Đời sống công nhân, Bản án chế độ thực dân Pháp,... Các tác phẩm này tập trung lên án chủ nghĩa thực dân và thực dân Pháp; vạch trần bản chất xâm lược, phản động, bóc lột của chúng; Thức tỉnh lòng yêu nước, ý chí phản kháng của các dân tộc thuộc địa. Người cũng phác thảo đường lối cứu nước thể hiện tập trung trong tác phẩm Đường cách mệnh.

Nội dung những tư tưởng của NAQ về CM GPDT trong những năm 20 của TK XX:

Tính chất, nhiệm vụ của CM VN: là CM GPDT để mở đường đi lên CNXH. Hai cuộc cách mạng này có quan hệ mật thiết với nhau. Xác định CMVN là CM GPDT là sự vận dụng sáng tạo lý luận của CN MLN vào một nước thuộc địa nửa phong kiến. Các Mac bàn nhiều về đấu tranh chống tư bản, Lenin bàn nhiều về chống đế quốc thì HCM giành sự quan tâm đặc biệt cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Nếu các nhà sáng lập học thuyết về CN cộng sản hết sức nhấn mạnh cuộc đấu tranh giai cấp ở các nước TBCN, thì HCM tập trung vào cuộc đấu tranh ở thuộc địa. Người trăn trở về sự khác nhau giữa XH phương đông và phương tây, làm sao để vận dụng lý luận đấu tranh giai cấp ở VN, đấu tranh giành độc lập, tự quyết cho dân tộc. Khác với xã hội phương tây, ở VN, tất cả các giai tầng, kể cả địa chủ (giai cấp bóc lột) đều có chung số phận mất nước, mâu

thuẫn với thực dân Pháp, từ đó trừ một bộ phận tư sản mại bản phản động thì các bộ phận còn lại trong xã hội VN đều có thể tham gia vào phong trào yêu nước chống Pháp. Mâu thuẫn chủ yếu ở thuộc địa là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với đế quốc xâm lược khác với mâu thuẫn giai cấp VS và TS ở chính quốc. Yêu cầu của CM thuộc địa là tiến hành đấu tranh GPDT khác với cuộc đấu tranh GC. Đối tượng của CM thuộc địa là CN thực dân chứ không phải chủ nghĩa tư bản, đế quốc nói chung.

Lực lượng CM: toàn thể dân tộc, bao gồm sĩ, nông, công, thương. Trong đó công nông là chủ, là gốc của CM. Điều này quy định chiến lược cách mạng là đấu tranh dân tộc chứ không phải đấu tranh giai cấp.

Lãnh đạo CM là DCS. Sự kết hợp của CN MLN với phong trào công nhân chính là quy luật chung cho sự ra đời của ĐCS trên TG. Vận dụng những lý luận này vào VN, nước thuộc địa, mâu thuẫn GC không gay gắt, HCM xác định ĐCS là sự kết hợp giữa CN MLN, phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Đây cũng là đóng góp quan trọng của NAQ, bổ sung thêm lý luận của CN MLN về ĐCS.

Mối quan hệ CMVN và CMTG:

+ CM GPGT ở VN phải nằm trong quỹ đạo của CMVS thế giới; phải có quan hệ mật thiết với CMVS trên thế giới, nhất là CMVS Pháp.

+ CMVS tại VN phải chủ động và có khả năng giành thắng lợi trước CMVS ở chính quốc. Đây chính là điểm khác biệt so với quan điểm của Quốc tế CS cho rằng CMGPDT thuộc địa phụ thuộc vào CMVS ở chính quốc; CMVS ở thuộc địa chỉ có thể thành công sau khi CMVS ở chính quốc thành công. CMVS ở thuộc địa là quan hệ lệ thuộc, chính phủ đối với CMVS chính quốc. Người cho rằng CN thực dân như con đĩa 2 vòi, một vòi bám vào vô sản chính quốc, vòi còn lại bám vào vô sản ở thuộc địa. Muốn giết chết con đĩa đó thì phải đồng thời cắt đứt cả hai vòi. Vì vậy CM thuộc địa bình đẳng với CMVS ở chính quốc. Ngoài ra, sự bóc lột tại thuộc địa nặng nề hơn so với chính quốc dẫn đến ngọn lửa đấu tranh chống áp bức tại thuộc địa diễn ra sôi nổi hơn. Do đó, CMVS ở thuộc địa có khả năng giành thắng lợi trước CMVS ở chính quốc.

Phương pháp CM: động viên, tổ chức và lãnh đạo đồng đảo quần chúng nhân dân tham gia. Quần chúng được tập hợp dẫn dắt theo một đường lối đúng đắn sẽ tạo được thành công cho CM.

➤ *Sự chuẩn bị về mặt tổ chức:*

Tháng 6-1925, NAQ thành lập Hội VN cách mạng thanh niên. Đây là tổ chức yêu nước có khuynh hướng cộng sản, một tổ chức quá độ để tiến lên thành lập Đảng, một bước chuẩn bị có ý nghĩa quyết định về mặt tổ chức cho sự ra đời của ĐCS VN về sau.

Từ 1925-1927, Hội VN CMTN đã mở các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ cách mạng VN. Tại đây, thanh niên, học sinh, trí thức VN yêu nước được học làm cách mạng, bí mật về nước truyền bá lý luận giải phóng dân tộc và tổ chức nhân dân đấu tranh.

Người chỉ rõ: Người CM phải hòa mình vào quần chúng công nông, để tự cải tạo mình thành người vô sản thì mới hiểu hết được CN cộng sản và mới có thể tuyên truyền chủ nghĩa CS, giáo dục đường lối của Đảng, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Cùng với việc trang bị lý luận cách mạng, NAQ hết sức quan tâm rèn luyện cán bộ trong hoạt động thực tiễn, bởi vì giác ngộ các mạng là chưa đủ, mà quan trọng hơn là hành động cách mạng. Chủ trương “vô sản hóa” trở thành một định hướng chiến lược cho yêu cầu xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ cách mạng trong thời kỳ vận động thành lập Đảng.

2. Phân tích nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên và giá trị của văn kiện này đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và phát triển đất nước.

Các văn kiện được thông qua tại hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam như: Chánh cương văn tắt của Đảng, Sách lược văn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh xác định các vấn đề cơ bản của CM VN:

Phương hướng chiến lược cách mạng: Làm “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. CMVN phát triển qua 3 giai đoạn: (1): tư sản dân quyền cách mạng giải quyết mâu thuẫn dân tộc, giành độc lập, quyền tự quyết cho dân tộc; (2): thổ địa cách mạng giải quyết mâu thuẫn giai cấp đặt ở phía sau; (3): đi tới xã hội cộng sản.

Về chính trị: Đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, làm cho nước VN hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông binh; tổ chức quân đội công nông. Làm cho nước VN độc lập chứ không phải Đông dương độc lập; Xóa bỏ chế độ phong kiến về mặt chính trị.

Về kinh tế: Tịch thu sản nghiệp lớn của tư bản để quốc chủ nghĩa Pháp giao cho chính phủ công nông binh; tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn ĐQCN làm của công và chia cho dân cày nghèo; mở mang CN, NN, miễn thuế cho dân cày nghèo. Mâu thuẫn nông dân-địa chủ không gay gắt nên không tịch thu của địa chủ.

Về VH-XH: Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền...; phổ thông giáo dục theo công nông hóa.

Lực lượng CM: toàn thể dân tộc VN. Nếu phú nông, địa chủ là đối tượng của CM ở các nước tư bản thì lại là lực lượng CM ở VN. Xác định lực lượng hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh lịch sử ở VN. Tập hợp đại bộ phận GCCN, GCND, phải dựa vào dân cày nghèo, lãnh đạo nông dân làm cách mạng ruộng đất; Hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân việt... để kéo họ vào phe VS giai cấp; Phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản CM thì phải lợi dụng. ít lâu mới làm cho họ trung lập.

Lãnh đạo CM: GCVS là lực lượng lãnh đạo CMVN. Đảng là đội tiên phong của GCVS, phải thu phục được đại bộ phận GC mình, phải làm cho GC mình lãnh đạo được dân chúng. Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút vì lợi ích gì của công nông mà đi vào con đường thảo hiệp. Do ĐCS ở VN là Đảng của toàn thể dân tộc VN chứ không phải Đảng riêng của GC công nhân VN. Lợi ích cao nhất hướng đến là độc lập dân tộc chứ không phải lợi ích kinh tế của GC.

Quan hệ giữa CM VN và CMTG: CM GPGT ở VN phải nằm trong quỹ đạo của CMVS thế giới; phải có quan hệ mật thiết với CMVS trên thế giới, nhất là CMVS Pháp. CMVS tại VN phải chủ động và có khả năng giành thắng lợi trước CMVS ở chính quốc. Đây chính là điểm khác biệt so với quan điểm của Quốc tế CS cho rằng CMGPDT thuộc địa phụ thuộc vào CM VS ở chính quốc; CMVS ở thuộc địa chỉ có thể thành công sau khi CMVS ở chính quốc thành công. CMVS ở thuộc địa là quan hệ lệ thuộc, chính phụ đối với CMVS chính quốc. Người cho rằng CN thực dân như con đĩa 2 vòi, một vòi bám vào vô sản chính quốc, vòi còn lại bám vào vô sản ở thuộc địa. Muốn giết chết con đĩa đó thì phải đồng thời cắt đứt cả hai vòi. Vì vậy CM thuộc địa bình đẳng với CMVS ở chính quốc. Ngoài ra, sự bóc lột tại thuộc địa nặng nề hơn so với chính quốc dẫn đến ngọn lửa đấu tranh chống áp bức tại thuộc địa diễn ra sôi nổi hơn. Do đó, CMVS ở thuộc địa có khả năng giành thắng lợi trước CMVS ở chính quốc.

=> Ý nghĩa cương lĩnh:

- Nêu ra được những vấn đề cơ bản của đường lối chiến lược và sách lược của CM VN.
- Xác định đúng đắn con đường giải phóng dân tộc theo phương hướng CMVS, đây là cơ sở để ĐCSVN nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào CMVN.
- Giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối CM, về giai cấp lãnh đạo CM diễn ra đầu TK XX.
- Là cương lĩnh đúng đắn, sáng tạo theo con đường CM HCM, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử.
- Mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho đất nước VN.
- Bổ sung thêm vào kho tàng lý luận chính trị của CN MLN.
- Thực tiễn quá trình vận động của CMVN từ khi thành lập đến nay đã chứng minh tính khoa học và cách mạng, tính đúng đắn và tiến bộ của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

CHƯƠNG II: Luận cương chính trị (10-1930)

➤ Nội dung:

Xác định mâu thuẫn cơ bản trong XH: Mâu thuẫn giai cấp diễn ra gay gắt ở ĐD: giữa một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

Phương hướng chiến lược CM: Cách mạng ĐD lúc đầu là CMTS dân quyền có tính chất thô địa và phản đế. Sau khi thành công thì tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kỳ TBCN để tiến thẳng lên CM XHCN. Cả CL và LC đều hướng đến CM XHCN. Tuy nhiên trong việc khái niệm CMTS dân quyền thì có sự khác nhau. CL: TSDQ CM và Thổ địa CM để tiến tới XHCS. CM VN trải qua 3 giai đoạn độc lập, thô địa CM không phải nhiệm vụ của CMTS dân quyền. Trong LC: CMTSDQ có cả thô địa và phản đế, CMDD trải qua 2 giai đoạn, thô địa CM là nhiệm vụ của CMTS dân quyền.

Nhiệm vụ của CMTSDQ: Đánh đổ phong kiến để thực hành CM ruộng đất cho triệt để; Đánh đổ đế quốc Pháp để làm cho ĐD hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ này đặt ngang nhau và có mối quan hệ mật thiết với nhau: muốn làm cho ĐD hoàn toàn độc lập thì phải thực hiện cách mạng ruộng đất một cách triệt để. Muốn đánh đổ đế quốc Pháp thì phải đánh đổ phong kiến. Văn kiện nhấn mạnh: vấn đề thô địa là cái cốt của CMTS dân quyền; là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

Lực lượng CM:

- + GCVS là động lực chính. Dân cày là động lực mạnh của CM.
- + TS thương nghiệp, TS công nghiệp đứng về phe đế quốc chống lại CM.
- + Tiểu TS: Thủ công nghiệp có ác cảm, thái độ do dự với CM. Tiểu TS thương gia không tán thành CM. Tiểu TS trí thức có xu hướng quốc gia chủ nghĩa, đại biểu cho quyền lợi của tất cả các giai cấp TS bản xứ, vì vậy nếu có tham gia chống đế quốc thì chỉ hăng hái trong thời kỳ đầu, khi PTCM lên cao thì sẽ theo ĐQ để chống CM.

Phương pháp CM: Sử dụng bạo lực CM. Xem võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”.

Quan hệ với CM thế giới: CM ĐD là một bộ phận của CMVSTG, vì thế GCVS ĐD phải đoàn kết gắn bó với GCVS thế giới, trước hết là GCVS Pháp.

Về vai trò lãnh đạo của Đảng: DCS lãnh đạo là điều kiện cốt yếu cho thắng lợi của cuộc CM: Đảng phải có đường lối chính trị đúng đắn, có kỷ luật tập trung, liên hệ mật thiết với quần chúng; Đảng là đội tiên phong của GCVS, lấy CN MLN làm nền tảng tư tưởng; Đảng là đại biểu chung cho quyền lợi của GCVS ở ĐD, đấu tranh để đạt được mục đích cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

➤ **Ưu điểm:** Khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản thuộc về chiến lược của CM mà Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã nêu:

- Phương hướng chiến lược của CM: đều hướng tới CNXH.
- Xác định 2 nhiệm vụ chống đế quốc và pk trong CMTSDQ.
- Xác định được lực lượng CM là GCCN, GCND.

- Xác định được phương pháp CM là sử dụng con đường bạo lực CM.
- Xác định được mối quan hệ giữa CM VN với CM thế giới.
- Xác định được vai trò lãnh đạo CM của ĐCS.

➤ **Hạn chế:**

- *Mâu thuẫn chủ yếu của CM:* Nhấn mạnh mâu thuẫn giai cấp:

+ Chưa phù hợp với thực tiễn xã hội thuộc địa nửa phong kiến của phong Đông. Ở các nước thuộc địa, tuy có nhiều mâu thuẫn đan xen nhau trong lòng xã hội nhưng mâu thuẫn cơ bản, chính yếu nhất phải là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc thuộc địa với thực dân xâm lược. Mâu thuẫn giai cấp tuy có tồn tại nhưng chỉ là mâu thuẫn thứ yếu. Yêu cầu bức thiết nhất phải là đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập để giải quyết mâu thuẫn chính yếu.

+ Đặt địa chủ phong kiến, tư bản vào đối tượng CM, nằm cùng phe với đế quốc là chưa hợp lý. Chỉ một bộ phận đại địa chủ và tư sản mại bản mới là tay sai cho thực dân Pháp, còn phần lớn các giai tầng ở VN, tuy có khác nhau về mức độ nhưng đều có mâu thuẫn với đế quốc Pháp, đều có thể trở thành lực lượng cách mạng.

- *Mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến:* Nhấn mạnh vấn đề thô địa, xem đây là nhiệm vụ cốt lõi của CMTS dân quyền: Do quá nhấn mạnh mâu thuẫn giai cấp ở ĐD nên đã quá nhấn mạnh vấn đề thô địa CM, không phù hợp với thực tiễn ở thuộc địa. Không tập trung được toàn bộ lực lượng cho cuộc đấu tranh GPDT.

- *Xác định lực lượng CM:* Do nhận thức giáo điều và máy móc về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp trong XH thuộc địa nên đã quá nhấn mạnh mặt tiêu cực của vấn đề giai cấp. Không huy động được lực lượng cách mạng toàn dân tộc: quá nhấn mạnh vai trò của GCCN, GCND; không thấy được khả năng tham gia cách mạng của các giai cấp khác: PK yêu nước, TS VN, tiểu TS, thậm chí còn xem tư sản phong kiến là đối tượng của CM.

- *Trong giải quyết vấn đề dân tộc:* Phạm vi CM trên toàn ĐD. Mỗi quốc gia ĐD có nhiều điểm khác nhau nên ĐCS phải là Đảng riêng của từng dân tộc, đánh giá, đề ra con đường phù hợp cho dân tộc mình. Từ đó không phát huy được quyền tự quyết của dân tộc.

=> Nguyên nhân dẫn đến hạn chế:

- Một là, LCCT chưa tìm ra những đặc điểm của xã hội thuộc địa, nửa phong kiến VN.
- Hai là, nhận thức giáo điều, máy móc về vấn đề dân tộc và giai cấp trong CM thuộc địa. Mặt khác lại chịu ảnh hưởng trực tiếp của khuynh hướng “tả” của QTCS và một số ĐCS lúc bấy giờ.

CHƯƠNG III: Đường lối kháng chiến chống Pháp

➤ **Nguyên nhân Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp:**

❖ Hoàn cảnh lịch sử:

Về quốc tế, VN bị bao vây, cô lập: LX và các nước Đông Âu chưa công nhận nước VNDCCH; Cách mạng TQ chưa thành công. VN chưa được bất kỳ quốc gia nào trên thế giới công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao.

Trong nước: Thực dân Pháp liên tục khiêu chiến, lấn chiếm, quyết tâm cướp nước ta một lần nữa. VN đã nỗ lực cứu vãn hòa bình bằng giải pháp thương lượng nhưng chưa mang lại kết quả; Bên cạnh đó, VN tích cực chuẩn bị lực lượng để sẵn sàng cho chiến tranh bùng nổ bất cứ lúc nào và ở đâu. Khi so sánh lực lượng, VN và Pháp có sự chênh lệch rất lớn. Xét về lực lượng vật chất-kỹ thuật đơn thuần, thực dân Pháp mạnh hơn VN rất nhiều. Cuộc kháng chiến của nhân dân VN phải lấy nhổ đánh lớn. Dựa vào sức mạnh, thực dân Pháp nuôi hy vọng giành thắng lợi nhanh bằng quân sự.

❖ Nguyên nhân:

- Thực dân Pháp có tình dùng quân sự xâm lược nước VN (với quan điểm nhân đạo và thiện chí hòa bình, Đảng, CP và nhân dân VN đã nỗ lực cứu vãn nền hòa bình mong manh: thể hiện qua Hiệp định Sơ bộ (3/1946) và Tạm ước (9/1946)).

- Thực dân Pháp ngoan cố bám giữ lập trường thực dân, không chịu công nhận những quyền dân tộc cơ bản của VN: Độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.

- Khi khả năng hòa hoãn không còn, mọi sự nhân nhượng của VN đã đến giới hạn cuối cùng. Nhân dân VN chỉ có một con đường là cầm vũ khí đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp vì Độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ. Kháng chiến bùng nổ vào tháng 12/1946.

➤ **Nội dung đường lối kháng chiến:**

Mục đích: Đánh bọn phản động thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập thống nhất cho dân tộc.

Tính chất: Là cuộc chiến tranh CM có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới. Trong đó nhiệm vụ cấp bách nhất là giải phóng dân tộc. Cùng với xây dựng chính quyền mới thì phải tiến hành kháng chiến để bảo vệ chính quyền và giành độc lập dân tộc.

Chính sách: Liên hiệp với dân tộc Pháp chống phản động thực dân Pháp. Đoàn kết với Lào, Campuchia, các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Đoàn kết chặt chẽ toàn dân. Thực hiện toàn dân kháng chiến... phải tự cấp, tự túc về mọi mặt.

Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến: Đoàn kết toàn dân. Động viên nhân lực, vật lực, tài lực thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ. Giành quyền độc lập, bảo toàn lãnh thổ, thống nhất đất nước; Củng cố chế độ dân chủ cộng hoà, tăng gia sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc.

Phương châm:

- Kháng chiến toàn dân: Phải huy động toàn dân tham gia vào cuộc kháng chiến. Thực hiện mỗi người dân là một người lính, mỗi làng xóm là một pháo đài, mỗi khu phố là một trận địa; đánh giặc bằng mọi vũ khí có trong tay. Đảng đã không chỉ phát động cuộc chiến tranh thông thường mà phát động cuộc chiến tranh nhân dân, không chỉ dựa vào lực lượng quân đội mà dựa vào lực lượng

toàn dân, có lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích).

- Kháng chiến toàn diện: Kháng chiến trên toàn thể các mặt trận chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa – xã hội, ngoại giao.

+ Thực dân Pháp dùng nhiều thủ đoạn để xâm lược nước VN, thống trị và bóc lột nhân dân Việt Nam. Do đó, muốn đánh thắng Pháp thì phải làm thát bại mọi thủ đoạn của Pháp, vì vậy phải tiến hành kháng chiến toàn diện.

+ Để tiến hành kháng chiến thành công, phải xây dựng một hậu phương vững mạnh, đảm bảo cung cấp đầy đủ sức người, sức của cho chiến tranh. Vì vậy, phải xây dựng hậu phương kháng chiến về mọi mặt, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ quốc tế. Vì vậy, phải thực hiện kháng chiến trên mọi lĩnh vực.

+ Về chính trị: phát huy chỗ mạnh cơ bản của VN (tiến hành chiến tranh chính nghĩa chống xâm lược), đồng thời khoét sâu chỗ yếu cơ bản của Pháp (tiến hành chiến tranh xâm lược phi nghĩa). Từ đó, phải xây dựng, củng cố tổ chức Đảng; củng cố chính quyền dân chủ nhân dân; xóa bỏ bộ máy chính quyền địch và các tổ chức phản động.

+ Về quân sự: là mặt trận hết sức quan trọng. Kháng chiến quân sự giữ vị trí quyết định trong việc tiêu diệt lực lượng quân sự địch, làm thát bại âm mưu quân sự và qua đó làm thát bại các âm mưu chính trị của địch. Vì vậy, cần xây dựng lực lượng vũ trang 3 thứ quân lớn mạnh; kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy; đánh pháp ở cả mặt trận chính diện và sau lưng; kết hợp đánh diêu diệt và tiêu hao.

+ Về kinh tế: Nhằm làm thát bại âm mưu vơ vét, phá hoại hậu phương chiến tranh của thực dân Pháp. Đồng thời xây dựng nền kinh tế kháng chiến tự cung tự cấp, đảm bảo hậu phương cho cho tiền tuyến đánh giặc.

+ Về văn hóa: Xây dựng nền văn hóa kháng chiến phản ánh cuộc kháng chiến và con người kháng chiến trên 3 phương diện: dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa để động viên, cỗ vũ tinh thần kháng chiến toàn dân. Vì vậy, phải phát triển nền giáo dục kháng chiến (giáo dục phổ thông, bồi túc văn hóa; di chuyển trường học ra vùng tự do; đào tạo cán bộ phục vụ kháng chiến), đồng thời tiến hành cuộc đấu tranh chống mê tín, dị đoan, bài trừ các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống VH mới.

+ Về ngoại giao: Là mặt trận quan trọng. Một là, ra sức tuyên truyền quốc tế, tranh thủ mọi sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế cả về vật chất lẫn tinh thần đối với cuộc kháng chiến của nhân dân VN. Hai là, tiến hành đấu tranh ngoại giao nhằm tố cáo cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, tuyên truyền cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân VN. Phải cùng với mặt trận quân sự đi đến giải pháp về ngoại giao để kết thúc cuộc kháng chiến.

- Kháng chiến trường kỳ: Tức là đánh lâu dài. VN phải nỗ lực giành thắng lợi từng bước, thực hiện giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Phải từng bước làm thay đổi so sánh lực lượng với Pháp, tiến lên tranh thủ thời cơ, giành thắng lợi quyết định về quân sự, kết hợp giải pháp ngoại giao để kết thúc cuộc kháng chiến. Lực lượng giữa VN và Pháp rất chênh lệch. VN cần có thời gian để vừa kháng chiến, vừa xây dựng hậu phương và vận động quốc tế. Để chống lại hiệu quả kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, buộc Pháp đánh theo cách đánh của VN.

- Dựa vào sức mình là chính:

+ Nhằm phát huy mọi nỗ lực chủ quan trong sự nghiệp tự giải phóng mình, tránh tư tưởng bị động, chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài.

+ Trong thời gian đầu của cuộc kháng chiến, VN trong tình thế bị bao vây, cô lập, chưa có nước nào đặt quan hệ ngoại giao, không có sự viện trợ quốc tế nên càng phải phát huy tinh thần tự lực cánh sinh.

+ Tự dựa vào sức mình nhưng không coi nhẹ sự giúp đỡ từ bên ngoài. Vì vậy, cần tích cực vận động quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế về cả vật chất lẫn tinh thần.

- Triển vọng kháng chiến: Mặc dù lâu dài, gian khổ song nhất định thắng lợi.

➤ **Những tác dụng đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp:**

- Đã vạch ra một phương châm quyết chiến với thực dân Pháp, dẫn dắt và tổ chức toàn dân đấu tranh để giành độc lập, thống nhất cho Tổ quốc.

- Là đúng đắn, sáng tạo, kế thừa được những kinh nghiệm của tổ tiên, đúng với các nguyên lý về chiến tranh cách mạng của CNMLN, vừa phù hợp với hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ.

- Được công bố sớm, có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng ổn định và phát triển, giành được thắng lợi mang ý nghĩa lịch sử to lớn.

CHƯƠNG IV: Quan điểm chỉ đạo của Đảng về CNH-HĐH hiện nay

➤ Năm quan điểm chỉ đạo của Đảng:

Một là, CNH gắn với HDH; CNH-HĐH gắn với nền kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường.

+ Đây là quan điểm chỉ đạo mới. Cuộc CM KH-CN hiện đại tác động sâu rộng tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, xu thế hội nhập và tác động của quá trình toàn cầu hóa đã tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với đất nước. Vì vậy, cần tiến hành CNH theo con đường kết với với hiện đại hóa.

+ Nước ta thực hiện CNH khi trên thế giới, nền kinh tế tri thức đã phát triển. Chúng ta không nhất thiết phải trải qua các hình thức kinh tế nông nghiệp, công nghiệp rồi mới đến kinh tế tri thức mà có thể đẩy mạnh CNH-HĐH gắn liền với kinh tế tri thức. Coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và của quá trình CNH-HĐH.

+ Không đánh đổi vần đề môi trường lâu dài để lấy lợi ích kinh tế trước mắt.

Hai là, CNH-HĐH gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập KTQT.

+ CNH-HĐH được tiến hành trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhiều thành phần. Do đó, đây là sự nghiệp của không chỉ Nhà nước mà còn là sự nghiệp toàn dân, của mọi thành phần kinh tế. Phương thức phân bổ nguồn lực để CNH-HĐH được thực hiện bằng cơ chế thị trường, khác với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, quan liêu ở thời kỳ trước đổi mới.

+ Sau ĐH VIII, Đảng nhận định quá trình CNH-HĐH có thể rút ngắn được thời gian so với các nước đi trước từ cơ sở rút kinh nghiệm từ các quốc gia này, đồng thời học hỏi, tiếp thu, chuyển giao công nghệ. Tức quá trình CNH-HĐH phải gắn liền với hội nhập KTQT.

Ba là, lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

+ Con người là yếu tố quyết định để tăng trưởng kinh tế.

+ Con người muốn trở thành động lực cho CNH-HĐH thì phải qua đào tạo, có chuyên môn. Nếu không sẽ làm cản trở quá trình CNH-HĐH. VN chưa có kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình này, vì vậy dễ phạm phải sai lầm, cần phát huy nguồn lực con người để thúc đẩy sự phát triển CNH-HĐH.

+ Nguồn nhân lực cho CNH-HĐH đòi hỏi phải đáp ứng đủ số lượng, cân đối về cơ cấu và trình độ, có khả năng nắm bắt và sử dụng các thành tựu KH-CN, đồng thời có khả năng sáng tạo các công nghệ mới.

Bốn là, KH và CN là nền tảng và động lực của CNH-HĐH.

+ KH-CN là yếu tố quan trọng, chỉ xếp sau yếu tố con người. Là yếu tố có vai trò quyết định giúp tăng năng suất lao động, giảm CPSX, nâng cao lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế nói chung.

+ Phải đẩy mạnh việc chọn lọc du nhập CN, mua sáng chế kết hợp phát triển công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới.

Năm là, phát triển nhanh và bền vững; Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển VH, thực hiện tiến bộ, công bằng XH.

- + Đây chính là CSHT thúc đẩy KT phát triển.
 - + Xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, phát triển vùng, từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa các vùng kinh tế.
 - + Hướng đến mục tiêu phát triển vì con người, mọi con người đều được hưởng thành quả của sự phát triển.

➤ **Vận dụng trong thực tiễn:**

- Cơ sở kỹ thuật vật chất của đất nước tăng trưởng một cách đáng kể, khả năng độc lập, tự chủ kinh tế cao...
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng phát triển lợi thế, hình thành nền kinh tế vùng và liên vùng. Xuất hiện các nền kinh tế trọng điểm, đan xen nhiều hình thức sở hữu...
- Cơ cấu lao động có sự chuyển biến mạnh mẽ gắn liền với chuyển dịch kinh tế...

➤ **Những giải pháp góp phần cho sự nghiệp CNH-HĐH đất nước:**

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, tạo môi trường pháp lý lành mạnh, thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo, phát huy vai trò của khoa học, công nghệ khuyến khích phát triển năng lực trí tuệ con người. Cải cách hành chính gắn với tin học hóa, đẩy nhanh xây dựng Chính phủ điện tử để bộ máy nhà nước hoạt động ngày càng có hiệu lực, hiệu quả hơn,..
- Tiến hành cải cách giáo dục một cách triệt để, bắt đầu từ những vấn đề căn bản về triết lý và mục tiêu của nền giáo dục Việt Nam. Đây là yếu tố quyết định nhất thúc đẩy Việt Nam đi nhanh vào KTTT.
- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin như mũi nhọn đột phá. Đổi mới công nghệ, sản phẩm, phương pháp tổ chức sản xuất kinh doanh trong tất cả các ngành.

CHƯƠNG VII: Quan điểm chỉ đạo của Đảng trong xây dựng, phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

➤ Năm quan điểm chỉ đạo của Đảng trong Nghị quyết TW 9 khóa XI (5-2014):

Một là, VH là nền tảng tinh thần của XH; là mục tiêu, động lực thúc đẩy phát triển bền vững đất nước. VH phải đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội và hội nhập quốc tế.

+ Quan điểm này xác định vị trí, vai trò của VH: không chỉ ngang hàng với kinh tế, chính trị mà còn gắn liền với xã hội và quá trình hội nhập quốc tế. Yếu tố hội nhập quốc tế là một trong những thách thức trong thời kỳ mới.

+ VH phản ánh và thể hiện một cách tổng quát mọi mặt của cuộc sống. Qua nhiều thế kỷ đã cấu thành nên một hệ thống các giá trị, truyền thống và lối sống đậm đà bản sắc dân tộc, chi phối cuộc sống, tư tưởng tình cảm của các thành viên trong xã hội.

+ Hàm lượng VH trong các lĩnh vực đời sống của con người có tương quan với khả năng phát triển kinh tế-xã hội hiện thực và bền vững. Nền VH VN cũng là một tiền đề quan trọng đưa nước ta hội nhập sâu và toàn diện hơn vào nền kinh tế thế giới.

+ Mục tiêu phát triển xã hội cũng chính là mục tiêu của văn hóa: Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Phát triển toàn diện các lĩnh vực VHXH hài hòa với phát triển kinh tế. Xử lý tốt mqa kinh tế và VH để VH thực sự là nền tảng tinh thần của XH, là động lực thúc đẩy phát triển bền vững đất nước.

Hai là, xây dựng nền VH VN tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc VN, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Quan điểm này xác định các đặc trưng của VH: Tiên tiến: tiếp thu những giá trị VH mới, “hòa nhập nhưng không hòa tan”, tiếp thu nhưng có chọn lọc tạo nên sự đa dạng cho VH dân tộc; đậm đà bản sắc dân tộc: bảo tồn những giá trị VH tốt đẹp của dân tộc, không bảo thủ giữ lại những giá trị VH cổ hủ, không còn phù hợp với thời đại mới. Xây dựng nền VH VN với nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và CNTXH theo CNMLN, tư tưởng HCM, nhằm mục tiêu tất cả vì con người.

Ba là, phát triển VH vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các đặc trưng: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Quan điểm này xác định mối quan hệ giữa VH với phát triển GD: VH phát triển vì sự hoàn thiện nhân cách con người. Hoàn thiện nhân cách con người cũng giúp cho VH phát triển hơn, bài trừ đi các hủ tục lạc hậu, thói hư tật xấu. Mối quan hệ giữa hoàn thiện con người và VH là mối quan hệ hai chiều.

Bốn là, xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố VH và con người trong phát triển kinh tế.

+ Là quan điểm mới, xác định môi trường văn hóa bao gồm 2 yếu tố: gia đình và cộng đồng. Gia đình là tế bào của XH, đóng vai trò quan trọng trong hình thành nhân cách con người. Gia đình và cộng đồng phát triển sẽ tạo nên môi trường thuận lợi, thúc đẩy sự phát triển VH.

+ Phát triển hài hòa giữa vật chất (kinh tế) và tinh thần (văn hóa). Không vì kinh tế mà đánh đổi đi những giá trị văn hóa tốt đẹp.

Năm là, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

+ Hệ thống chính trị có thể mất đi nhưng nhân dân chính là chủ thể sáng tạo, giữ gìn và phát triển VH dân tộc. “Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh” chính là mục tiêu toàn thể dân tộc hướng đến.

+ Công nhân, nông dân, trí thức là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân, cũng là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

➤ Vận dụng trong thực tiễn:

- Trong sự nghiệp xây dựng XHCN, Đảng ta luôn chú trọng phát triển văn hóa trong nước đồng thời mang nền văn hóa VN hội nhập với thế giới qua các chương trình như tuần lễ văn hóa tại nước ngoài để họ hiểu hơn về văn hóa VN, đồng thời cũng điều chỉnh văn hóa trong nước, loại bỏ những tư tưởng sùng bái vật chất, tiền bạc để tránh gây suy thoái xã hội. Xây dựng văn hóa công cộng đang là vấn đề khó khăn hiện nay, đó là vấn đề cần giải quyết trong việc tạo lập văn hóa con người tại VN.

- Đảng và Nhà nước đã ban hành các chính sách về bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống của dân tộc. Giữ gìn các giá trị văn hóa lâu đời như cồng chiêng Tây Nguyên, Nhã nhạc cung đình Huế, Hát Chầu văn...đồng thời tổ chức các sự kiện văn hóa như tuần lễ văn hóa, festival văn hóa để mang văn hóa các vùng miền gần gũi nhau hơn, để người dân hiểu hơn về nền văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó cũng loại bỏ những cái lạc hậu, lỗi thời và tránh ảnh hưởng xấu từ văn hóa nước ngoài, nhất là ở giới trẻ hiện nay. Đảng và Nhà nước đã có các chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa cộng đồng các dân tộc mang lại hiệu quả cho việc bảo tồn văn hóa dân tộc. Đồng thời thống nhất các nền văn hóa VN thành văn hóa người Việt, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, vùng miền.

- Đảng luôn khuyến khích nhân dân bài trừ các tệ nạn, chống “diễn biến hòa bình”. Ngay từ sau thời kì đổi mới đến nay, các tệ nạn đã dần được quản lý và xóa bỏ, tạo dựng cơ bản được văn hóa cộng đồng mới đó là cả 1 quá trình dài. Đầu tranh chống các thế lực phản động gây tư tưởng sai lầm trong dân chúng đã đạt được những hiệu quả nhất định, tuy nhiên để xây dựng tương lai thì còn xa và đó là 1 mặt trận không hề dễ dàng.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chuyển dần sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời. Đổi mới mạnh mẽ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, khẩn trương điều chỉnh, khắc phục tình trạng quá tải. Phát triển mạnh hệ thống giáo dục nghề nghiệp, tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề và trung cấp nghề cho các khu công nghiệp và xuất khẩu lao động. Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học. Chủ trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài. Bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp học, bậc học. Đổi mới phương pháp giáo dục, cải tiến nội dung, phương pháp thi cử, khắc phục tiêu cực giáo dục. Thực hiện xã hội hóa giáo dục. Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Phát triển khoa học xã hội, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Phát triển khoa học tự nhiên và công nghệ, nghiên cứu định hướng ứng dụng, nhập và mua sáng chế có tính chọn lọc để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ. Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

- Mọi người VN phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh đều tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà. Công nhân, nông dân, trí thức là nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân, cũng là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước. Sự nghiệp và phát triển văn hóa do đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

➤ **Giải pháp:**

- Chiến dịch mùa hè xanh: Mùa hè xanh là một trong những hoạt động hè vô cùng ý nghĩa của sinh viên tình nguyện bởi nó không đơn thuần chỉ là một chuyến đi xa, mà nó còn là một trong chuỗi các hoạt động mang ý nghĩa xã hội lớn lao và tính nhân văn sâu sắc.

- Lợi ích đem lại:

+ Đi để trải nghiệm, trau dồi thêm kiến thức và kinh nghiệm sống, trưởng thành hơn từng ngày.

+ Gắn bó, đoàn kết, thân thiết hơn với mọi người hơn

+ Giúp đỡ mọi người xung quanh, giúp ích cho cộng đồng, xã hội

- Mục tiêu chung của những tình nguyện viên là đem hết sức trẻ, lòng quyết tâm và tinh thần nhiệt huyết, hăng say đến giúp đồng bào các dân tộc vùng sâu vùng xa. Họ làm rất nhiều việc: làm đường, dạy học cho các em nhỏ, sửa nhà cho dân, nạo vét kênh mương, tuyên truyền giáo dục... Những chiến sỹ tình nguyện Mùa hè xanh luôn mang trong mình khẩu hiệu: “Đi dân nhớ, ở dân thương, làm dân tin”.